

Hội An, ngày 12 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2023/TLST- DS ngày 12 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: phường T, thành phố H, tỉnh Q.

- *Đại diện*: Ông Trần Văn L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: phường P, thành phố H, tỉnh Q.

Là đại diện theo ủy quyền. (*Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2019*).

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Kim L1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: xã T, thành phố H, tỉnh Q.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1) Bà Trần Thị H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: phường Đ, thành phố H, tỉnh Q.

2) Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1964.

Địa chỉ: phường T, thành phố H, tỉnh Q.

- *Đại diện của bà H, bà Ph*: Ông Trần Văn L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: phường P, thành phố H, tỉnh Q.

Là đại diện theo ủy quyền. (*Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2019*).

4) Chị Trần Thị Kim Trang, sinh năm 2002.

5) Cháu Trần Văn A, sinh năm 2007.

Cùng địa chỉ: xã T, thành phố H, tỉnh Q.

Đại diện của chị T, cháu A: Bà Trần Thị Kim L1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: xã T, thành phố H, tỉnh Q. Là mẹ ruột.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. *Thời điểm mở thừa kế*: Ông Trần B, sinh năm 1938 – chết năm 1974 là liệt sỹ. – Vợ là bà Lê Thị M, sinh năm 1938 – chết năm 2006.

2. Về xác định hàng thừa kế: Ông Trần B và bà Lê Thị M có 04 người con: Trần Văn C, sinh năm 1969; Trần Thị H, sinh năm 1957; Trần Thị Ph, sinh năm 1964; Trần Văn L2, sinh năm 1966 – Chết năm 2012. Ông Trần Văn L2 có vợ là bà Trần Thị Kim L1, sinh năm 1974 và có 02 người con là Trần Thị Kim T, sinh năm 2002 và Trần Văn A, sinh năm 2007.

3. Về xác định di sản thừa kế: Thừa đất số 670, tờ bản đồ số 2, diện tích 140m²; Địa chỉ thừa đất tại: xã T, thành phố H, tỉnh Q đã được Ủy ban nhân dân (thị xã H) nay thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00343 QSDĐ/HA do bà Lê Thị M để lại hiện do bà Trần Thị Kim L1 và các con là Trần Thị Kim T, Trần Văn A quản lý sử dụng.

4. Ông Trần Văn C, bà Trần Thị H và bà Trần Thị P trọn quyền sở hữu, sử dụng: thửa 672/1 tờ bản đồ số 12, diện tích 70 m² loại đất thổ cư, trị giá: 910.000.000 đồng, có tứ cận như sau: phía Bắc giáp thửa ONT 1245; phía Tây giáp phần đất do nhà nước quản lý; phía Nam giáp thửa 672/2; phía Đông giáp đường bê tông rộng 3m.

4. Bà Trần Thị Kim L1; cháu Trần Thị Kim T và cháu Trần Văn A trọn quyền sở hữu, sử dụng: thửa 672/2 tờ bản đồ số 12, diện tích 70m² loại đất thổ cư, trị giá: 910.000.000 đồng, có tứ cận như sau: phía Bắc giáp thửa 672/1; phía Tây và phía Nam giáp phần đất do nhà nước quản lý; phía Đông giáp đường bê tông rộng 3m.

Ông Trần Văn C, bà Trần Thị H; bà Trần Thị P; bà Trần Thị Kim L1; cháu Trần Thị Kim T; cháu Trần Văn A có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục công nhận loại đất trong trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo luật Đất đai năm 2013 và có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Kèm theo mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 1270-2023 ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai H).

5. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

6. Về án phí: ông Trần Văn C, bà Trần Thị H; bà Trần Thị P bà Trần Thị Kim L1; cháu Trần Thị Kim T; cháu Trần Văn A là thân nhân liệt sĩ nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Q;

THẨM PHÁN

- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hồng Nhạn